

Số: 35/2018/QĐST- HNGĐ

Hải An, ngày 06 tháng 02 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 15/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2018, của người yêu cầu:

Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1963; địa chỉ: Số 1 B232, tổ 5, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng.

Bà Phạm Thị C, sinh năm 1969; địa chỉ: Số 1 B232, tổ 5, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Văn D và bà Phạm Thị C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Văn D và bà Phạm Thị C.

2.2 Về nuôi con chung: Ông D và bà C xác nhận có 03 con chung là Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 23/8/1991, Nguyễn Đức D, sinh ngày 08/6/1993 và Nguyễn Thị Kỳ D sinh ngày 30/4/2003. Khi ly hôn, hai bên thoả thuận giao con Nguyễn

Thị Kỳ D cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng, ông D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 1.500.000 (một triệu năm trăm ngàn) đồng/tháng kể từ tháng 02/2018 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi); đối với 02 con là Nguyễn Thị Thùy D và Nguyễn Đức D đều đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà C cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông D phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.3 Về chia tài sản: Ông D và bà C xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

2.4 Về lệ phí: Ông D và bà C mỗi người phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí việc hôn nhân gia đình sơ thẩm để sung quỹ nhà nước. Ông D và bà C đã nộp đủ lệ phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016084 và số 0016085 ngày 17/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự (để thi hành);
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- UBND phường Cát Bi, Hải An, Hải Phòng;
- Lưu: VP, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Bình

